

NHẬN DIỆN VÙNG VĂN HÓA QUÊ HƯƠNG NHÀ LÝ

NGUYỄN THỊ HUỆ

Tóm tắt

Cho đến nay, quê hương nhà Lý vẫn là một vấn đề được giới sử học, văn hóa học quan tâm bởi những thông tin vừa mang tính lịch sử vừa có yếu tố huyền thoại. Vấn đề xác định vùng quê sinh ra người sáng lập vương triều Lý vẫn tồn tại những quan điểm khác biệt. Qua các nguồn sử liệu thành văn (các cuốn sách cổ bản về sông Tiêu Tương và hương Diên Uẩn) và hệ thống di tích lịch sử văn hóa (các di tích gắn với lịch sử vương triều Lý như Đình Bảng, Đền Đô và khu Sơn lăng cấm địa...) có thể khẳng định rằng quê nội Lý Công Uẩn ở làng Dương Lôi (nay là khu phố Dương Lôi, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn). Tuy nhiên, với vị thế của một triều đại mở đầu nền độc lập tự chủ của dân tộc, vương triều Lý đã có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới cả một vùng rộng lớn chứ không chỉ riêng một làng; nên nếu có người quan niệm rằng quê hương nhà Lý là cả vùng Bắc Ninh - Kinh Bắc có lẽ cũng không sai. Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm vùng quê hương nhà Lý vốn là hương Diên Uẩn (thế kỷ thứ VIII), sau này là tổng Phù Lưu và hiện nay là các phường phố trung tâm của thị xã Từ Sơn - vùng lõi có quan hệ mật thiết với vương triều Lý.

Từ khóa: Triều Lý, không gian lịch sử văn hóa, Từ Sơn - Bắc Ninh

Abstract

So far, the Ly hometown is still a matter that historians are interested in because of historical and legend information. The matter of identifying the hometown of the founder of Ly dynasty still has different perspectives. Through written sources (ancient books discussing Tieu Tuong river and Dien Uan area) and historical cultural relics system (relics associated with the history of the Ly dynasty such as Dinh Bang, Do Temple), it can be said that patrilineal hometown of Ly Cong Uan in Duong Loi Village (now Duong Loi Street, Tan Hong Ward, Tu Son Town). However, with the position of a dynasty that began the independence and sovereignty of the nation, the Ly dynasty had a strong influence on a large area, not just one village; so if one thinks that the Ly hometown is the whole of Bac Ninh - Kinh Bac is not wrong. In this study, we identify the Ly homeland as Dien Uan area (8th century), then Phu Luu and now the central streets of Tu Son Town - the core area with intimate relationship with the Ly dynasty.

Keywords: Ly dynasty, historical cultural space, Tu Son - Bac Ninh

1. Vùng văn hóa quê hương nhà Lý qua nguồn sử liệu

Theo *Việt sử lược*, Lý Công Uẩn là “Người Cổ Pháp, Bắc Giang, mẹ họ Phạm, ngày 17 tháng 2 năm Thái Bình thứ 5 (974) sinh ra vua”, “lúc còn nhỏ du học ở

chùa Lục Tổ” (8, tr.71). Tiếp đến, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Lịch triều hiến chương loại chí*... chép cụ thể hơn về việc Lý Công Uẩn là người hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp: Tháng ấy ngày Quý Sửu, Lý Công Uẩn tự lập làm vua. Trước đấy ở hương Diên Uẩn, châu

Cổ Pháp có cây gạo bị sét đánh, người hương ấy xem kỹ dấu sét đánh thấy có chữ là một bài thơ nói về việc họ Lê suy, nhà Lý nổi lên¹.

Sau đó lại chép: “Vua họ Lý, tên huý là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang” (1, tr.240). Như vậy, rõ ràng đời trước đều chép cụ thể Lý Công Uẩn là người hương Diên Uẩn/Cổ Pháp thuộc châu Cổ Pháp.

Châu Cổ Pháp có lẽ là một vùng đất rộng tương đương với huyện Đông Ngàn thời Nguyễn. Sách *Đại Nam nhất thống chí* khi mô tả về diên cách huyện Đông Ngàn cho biết: “Theo Sử ký thì huyện này nguyên trước là châu Cổ Lãm, Lê Đại Hành gọi là châu Cổ Pháp, nhà Lý gọi là phủ Thiên Đức, nhà Trần đổi gọi tên hiện nay, thời thuộc Minh do châu Vũ Ninh lãnh, lệ vào phủ Bắc Giang; đời Lê Quang Thuận, đổi do phủ kiêm lý; bản triều cũng theo như thế. Nay lãnh 13 tổng, 97 xã thôn” (3, tr.54). Đây là vùng đất có vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi để phát triển kinh tế, cũng như giao lưu văn hóa, là vùng đất trung tâm nối liền kinh đô Thăng Long với biên giới Việt Trung, gần các con sông lớn, tiện việc giao thương nên từ rất sớm đã là một địa bàn trọng yếu của đất nước. Theo *Thiên uyển tập anh*, hương Cổ Pháp “trước tên là hương Diên Uẩn” (4, tr.60). Diên Uẩn gồm nhiều làng nằm uốn khúc dọc đôi bờ Tiêu Tương. Đến khoảng niên hiệu Trinh Nguyên đời nhà Đường (785 - 805), Thiền sư Định Không người hương Diên Uẩn cho xây chùa Quỳnh Lâm, khi làm móng chùa, đào được 1 bình hương và 10 chiếc khánh đồng. Ông sai người đem ra sông Tiêu Tương rửa, có một chiếc khánh rơi xuống sông hồi lâu mới chạm đất, Thiền sư Định Không giải thích rằng: “Thập khẩu” là chữ “Cổ”; “Thủy khứ” (xuống sông) là chữ “Pháp”. Còn “thổ” là chữ đất tức chỉ hương ta. Nhân đó đổi là hương “Cổ Pháp” (4, tr.60). Như vậy, tên hương Diên Uẩn có thể đã xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ VIII.

Đơn vị hương thời kỳ này cơ bản dựa trên cách chia đặt hương thời Đường. Khi đó “huyện gồm có hương nhỏ, hương lớn và xã nhỏ, xã

lớn” (7, tr.80), mỗi xã nhỏ có từ 10 đến 30 hộ và xã lớn từ 40 đến 60 hộ; mỗi hương nhỏ có từ 70 đến 150 hộ và hương lớn từ 160 đến 540 hộ. Qua đây, có thể thấy quy mô hương của thời Đường khá lớn, nếu tính theo hộ dân thì một hương nhỏ cũng phải bằng khoảng 2 đến 3 xã lớn và một hương lớn cũng phải bằng 6 đến 7 xã lớn. Có thể thấy hương khi đó không phải đồng nhất với xã/làng (giống như quan điểm của nhiều người) mà có quy mô lớn nhỏ khác nhau và bao gồm nhiều xã. Nó có thể tương đương với cấp tổng ở thế kỉ XIX và cấp huyện sau này. Châu Cổ Pháp do đó là một vùng khá rộng lớn; huyện Đông Ngàn thời Lê được hình thành chủ yếu dựa trên địa giới của châu này; còn hương Diên Uẩn/ Cổ Pháp tuy đã trải qua nhiều biến đổi, nhưng cơ bản vẫn là các làng xã thuộc tổng Phù Lưu. Sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* cho biết vào đầu thế kỷ XIX, tổng Phù Lưu có 7 xã là Phù Lưu, Đại Đình, Đình Bảng, Trang Liệt, Bình Hạ, Dương Lôi, Thụ Chương (5, tr.70 - 71). Như thế hương Diên Uẩn (thế kỷ VIII), hương Cổ Pháp sau đó, có thể là toàn bộ khu phường phố trung tâm của thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh hiện nay và được xem như vùng trung tâm của quê hương nhà Lý.

Vị trí của sông Tiêu Tương và hương Diên Uẩn trong xác định vùng văn hoá quê hương nhà Lý:

Để kiểm chứng lại thông tin về hương Diên Uẩn/ Cổ Pháp và những huyền thoại xung quanh vương triều Lý, chúng tôi đã dựa vào gợi ý về dòng Tiêu Tương, hương Diên Uẩn của các học giả đi trước để có thêm khẳng định về diên cách của hương Diên Uẩn xưa cũng như thị xã Từ Sơn nay có mối quan hệ khá mật thiết với sông Tiêu Tương.

Trong cuốn *Việt Nam - một cái nhìn địa văn hóa*, Trần Quốc Vượng đã dành 4 bài để bàn về các vấn đề lịch sử hình thành, văn hóa, vai trò của văn hóa Kinh Bắc - Bắc Ninh, trong đó ông đặc biệt nhấn mạnh đến yếu tố nước và sông ngòi trong sự hình thành văn minh Việt cổ ở đây. Chúng tôi đã dựa trên quan điểm về “tứ giác nước và văn hoá sông ngòi” (9, tr.143) của

ông để nghiên cứu sự hình thành dân cư cũng như văn hóa vùng đất quê hương nhà Lý - thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh. Quan điểm này phản ánh tư duy sông nước của người Việt cổ trong quá trình xây dựng các kinh đô cổ Việt Nam. Theo đó, các kinh đô cổ và đô thị cổ trên đều được giới hạn bởi 4 con sông hoặc nhánh sông mà chúng tạo thành 4 cạnh tự nhiên của *tứ giác nước*. Và vùng quê hương nhà Lý cũng không nằm ngoài sự bao quanh của tứ giác nước khi được giới định bởi phía Bắc là sông Cầu, phía Nam là sông Thiên Đức, phía Tây là sông Ngũ Huyện Khê, phía Đông là khe cũ của con sông Tào Khê và chảy giữa các làng xã là dòng Tiêu Tương thơ mộng.

Lịch sử tự cư của con người luôn bắt đầu từ lưu vực các con sông bởi sông là nguồn sinh kế, là giao thông đi lại, là nơi giao thương buôn bán. Theo các tư liệu khảo cổ học thì các di chỉ sớm của cư dân Việt vùng này tập trung nhiều ở đôi bờ Tiêu Tương cho thấy dòng sông này khi đó là một sông tương đối lớn, cung cấp nguồn nước và sinh kế cho cư dân đôi bờ. Tài liệu điều tra khảo cổ học năm 1973 của cán bộ văn hoá tỉnh Hà Bắc và các nhà sử học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã phát hiện ra 8 di chỉ khảo cổ học thuộc đầu thời đại đồng thau, cách ngày nay 3.405 năm, được phân bố trên đôi bờ sông Tiêu Tương thời cổ (10), từ đầu sông cho tới cuối sông, hầu hết các di chỉ này đều nằm trên địa hạt thị xã Từ Sơn ngày nay (một phần huyện Yên Phong) và phần lớn trong số đó gắn với các di tích và truyền thuyết về nhà Lý. Đó là nguyệt hồ ở Đền Đô (Đình Bảng), là Đền Đầm (Phù Lưu), là chùa Tiêu/chùa Tràng Liêu gắn với thiền sư Vạn Hạnh, là Dương Lôi nơi thờ bà Phạm Thị và các di tích gắn với truyền thuyết về sự ra đời của Lý Công Uẩn. Theo tư liệu khảo cổ và các nguồn sử liệu có thể xác định địa giới và sự có mặt của dòng sông Tiêu Tương đối với vùng văn hóa Kinh Bắc nói chung và việc xác định không gian văn hoá vùng quê hương nhà Lý - thị xã Từ Sơn nói riêng.

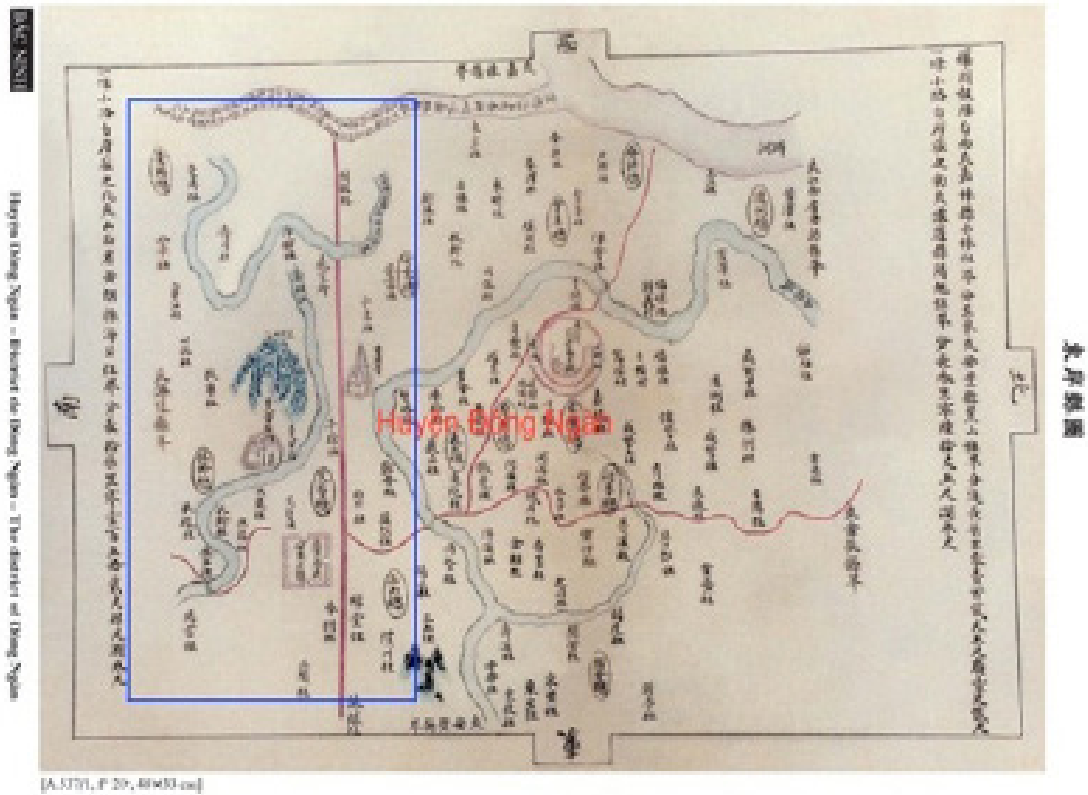
Đại Nam nhất thống chí viết: “Sông Tiêu Lương/ Tiêu Tương ở địa giới phủ Từ Sơn, phát nguyên từ cái đầm lớn xã Phù Lưu huyện Đông Ngàn, chảy từ phía tây sang Đông Bắc qua xã Tiêu Sơn, chuyển sang địa phận 2 huyện Tiên Du và Quế Dương vào sông Thiên Đức. Nay sông này có đoạn đắp thành đường cái quan, có đoạn lấp bồi thành ruộng, gián hoặc có một vài đoạn vẫn còn sâu” (3, tr.95 - 96).

Đồng Khánh địa dư chí cũng chép rằng: Một dòng khe cũ là Tào Khê lại có tên là khe Tiêu Tương, thượng nguồn từ chỗ giáp huyện Đông Ngàn chảy qua xã Dương Húc, Đại Vi, Dũng Vi, Đại Sơn, Vĩnh Phú, Phật Tích, Nội Viên, Chi Nê Nội; hạ nguồn đến xã An Động giáp xã La Miệt, huyện Quế Dương, dài 4 dặm, rộng 3 trượng.

Vậy, rõ ràng con sông Tiêu Tương xưa không phải chỉ là một khe nước nhỏ mà là một dòng sông tương đối lớn, len lách chảy qua các xóm làng của huyện Đông Ngàn.

Trên bản đồ huyện Đông Ngàn (*Xem hình 1*) năm 1886 - 1887, sông Tiêu Tương vẫn được vẽ một cách rõ nét, là một dòng chảy liền mạch len lỏi qua các xã thôn của huyện Đông Ngàn và huyện Tiên Du. Nhưng đến đầu thế kỷ XX, trên bản đồ Phủ Từ Sơn (1923 - 1924) (*Xem hình 2*) trong tập *Carte du delta du Tonkin* của Pháp thì không còn thấy dòng sông Tiêu Tương nữa mà chỉ thấy những đầm, hồ manh mún rải rác ở các xã, thôn trong huyện. Tuy nhiên, khi tham khảo ý kiến của một số chuyên gia địa mạo về hình thái của dòng Tiêu Tương cổ thì vẫn có thể thấy rõ hình thái dòng chảy của sông Tiêu Tương trên bản đồ địa hình hiện nay phù hợp hoàn toàn với dòng chảy liền mạch trên bản đồ Đồng Khánh.

Khi áp dụng phương pháp so sánh sử liệu và so sánh bản đồ qua các thời kỳ, chúng tôi đã có thể xác định một cách chính xác dòng chảy uốn khúc của dòng Tiêu Tương quanh các xóm làng cổ của hương Diên Uẩn xưa. Theo như bản đồ thời Đồng Khánh, đây là bản đồ duy nhất còn lại cho tới hiện nay mà chúng tôi tìm được có vẽ lại dòng sông Tiêu Tương là một dòng



Hình 1. Bản đồ huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn thời Đồng Khánh (1886)
Nguồn: Đồng Khánh địa dư chỉ lược



Hình 2. Bản đồ Phủ Từ Sơn năm 1923 - 1924
Nguồn: Nguồn tư liệu số, Thư viện Quốc gia Việt Nam

chảy liền mạch. Theo đó, sông Tiêu Tương được bắt nguồn từ một nhánh chết của sông Ngũ Huyện Khê ở địa phận tổng Yên Thường, sau đó chảy theo hướng Tây sang Đông qua địa phận khu rừng Báng (trong bản đồ Đồng Khánh ghi là *liên hoa* - có lẽ do mảnh đất có hình hoa sen) rồi chảy vào khu vực địa phận làng Đình Báng, qua Đại Đình rồi uốn ngược lên phía xã Phù Lưu tạo thành một đường gấp rất mạnh (có thể đây là nguyên nhân hình thành nên cái hồ lớn hình móng ngựa ở Phù Lưu), sau đó lại chảy xuôi xuống phía Dương Lôi, Phù Chẩn và các xã thuộc các tổng Đại Vi, Chi Nê, Dương Húc của huyện Tiên Du, Quê Dương, cuối cùng đổ vào khe Tào Khê (nhánh nhỏ của sông Đuống thuộc Trung Mầu và Phù Đống) và đổ vào sông Đuống/Thiên Đức.

Ngày nay, sông đã bị bồi lấp nhiều, nhiều nơi đã thành đường, thành xóm làng nhưng khi so sánh bản đồ địa hình năm 1923 - 1924 thời Pháp và bản đồ địa hình thị xã Từ Sơn ngày nay vẫn có thể nhìn thấy các dấu tích của dòng Tiêu Tương cổ, những đầm hồ manh mún được cất xê từ quá trình tụ cư của con người đã dần bồi lấp dòng Tiêu Tương thơ mộng. Tuy nhiên, khi so sánh có thể thấy hình thái sông và vị trí còn lại của dòng Tiêu Tương vẫn không quá khác xa so với hình thái dòng sông của hơn 1 thế kỷ trước. Chỗ khởi nguồn của dòng Tiêu Tương nay chính là vị trí của trường Đại học Thủy sản nằm ở vị trí tiếp giáp giữa thị trấn Yên Viên và Đình Báng, sau đó sông bị bồi lấp chỉ còn một ít ao hồ manh mún chảy qua phường Đình Báng, Phù Lưu, Dương Lôi, Đại Đình, Phù Chẩn. Khi chụp lại bản đồ vệ tinh cho thấy, sông Tiêu Tương chỉ còn lại một số đoạn nhỏ, bị chia cắt bởi các xóm làng có dân cư quần tụ đông đúc trên địa bàn các phường Đông Ngàn, Đình Báng, Tân Hồng.

Qua các nguồn sử liệu, tư liệu khảo cổ học và so sánh bản đồ các thời kỳ, có thể thấy sông Tiêu Tương có một mối quan hệ khá mật thiết với vùng đất phát tích vương triều Lý. *Thứ nhất*, nó là một dòng sông cổ gắn với quá trình tụ cư

của người Việt ở châu thổ sông Hồng (cụ thể là dân cư ở Từ Sơn, Bắc Ninh), đến thế kỷ thứ VIII (khi xuất hiện đơn vị hương Diên Uẩn) sông Tiêu Tương vẫn tồn tại như một dòng sông chính chảy qua các làng xã của hương này; tên hương Diên Uẩn mang đến hình dung về những làng xã nằm uốn khúc bên đôi bờ sông cổ. Hơn nữa, qua các cứ liệu lịch sử có thể thấy hương Diên Uẩn khi đó là một hương lớn bao gồm nhiều xã hợp lại. *Thứ hai*, khi so sánh các nguồn tư liệu và so sánh bản đồ qua các thời kỳ thì chúng tôi có thể khẳng định chắc chắn về mối quan hệ mật thiết giữa hương Diên Uẩn - sông Tiêu Tương - thị xã Từ Sơn ngày nay. Thế kỷ XIX, Tiêu Tương tuy đã bị thu hẹp nhưng vẫn được khu trú trên bản đồ là một dòng chảy liền mạch; đầu thế kỷ XX cho đến nay, Tiêu Tương đã bị bồi lấp gần như hoàn toàn, chỉ còn được thể hiện trên bản đồ là các ô trũng, đầm, hồ riêng lẻ nhưng vẫn hoàn toàn có thể xác định được vị trí của sông và các xã trung tâm chảy bên đôi bờ Tiêu Tương chính là các xã phường trung tâm của thị xã Từ Sơn ngày nay.

2. Vùng văn hóa quê hương nhà Lý qua hệ thống di tích lịch sử văn hóa

Có thể nói, một trong những yếu tố để xác định quê hương của Lý Công Uẩn chính là thông qua hệ thống di tích gắn với lịch sử của vương triều. Căn cứ vào hệ thống di tích trên thị xã Từ Sơn, có thể thấy một mật độ dày đặc các di tích gắn với vương triều Lý. Theo thống kê của Phòng Văn hoá thể thao và du lịch thị xã Từ Sơn năm 2010 thì toàn thị xã có gần 200 di tích lịch sử, và có đến 80 di tích lịch sử cấp Quốc gia và cấp tỉnh, cùng hàng ngàn hiện vật có giá trị. Trong số đó, các di tích lịch sử gắn với vương triều Lý có gần 30 di tích tập trung chủ yếu ở Đình Báng và Dương Lôi. Như chúng tôi đã trình bày, trước đây nhiều người nhầm tưởng rằng Đình Báng là nơi quê cha đất tổ của nhà Lý, nhưng trên thực tế cũng như các cứ liệu sử học cho thấy điều đó chưa thật chính xác. Tuy nhiên, trong phạm vi không gian lịch sử văn hoá vùng quê hương nhà Lý không thể không nhắc tới Đình Báng, Đền Đô và khu Sơn lăng cấm địa.

Đền Đô hiện ở khu vực xóm Thượng, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, thờ 8 vị vua nhà Lý. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: vào mùa Xuân, tháng Giêng năm Kỷ Mùi niên hiệu Thuận Thiên thứ 10 (1019), Lý Thái Tổ cho “dựng Thái Miếu ở làng Thiên Đức” (1, tr.246). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn cho biết vào mùa Xuân, tháng 2 năm 1029, Lý Thái Tông cho “khánh thành miếu Thái Tổ” (1, tr.253). *Tấm bia Cổ Pháp* điện tạo bi do Phùng Khắc Khoan soạn và dựng vào năm Hoàng Định thứ 5 (1604) tại Đền Đô cho biết trước đó “miếu thờ bị hoang phế, bia đá đổ nát”².

Nằm gần Đền Đô, nay vẫn còn địa danh Rừng Báng (rừng Cổ Pháp) - dấu tích còn lại của Thọ Lăng xưa. Nhưng Thọ Lăng được Lý Thái Tổ quyết định xây dựng trên một diện tích đất rộng lớn của hương Cổ Pháp, không phải là đất riêng của làng Đình Bảng. Sách *Đại Việt sử ký tiền biên* cho biết: “Mùa Xuân, tháng 2 (năm 1010), vua về châu Cổ Pháp bái yết lăng Thái Hậu, cho các bộ lão trong làng tiến và lựa theo thứ bậc khác nhau (vua bái yết lăng, nhìn quanh cây cối xum xuê, các bầy chim muông liệng quanh rồi đậu xuống, trong lòng cảm thấy thương xót, ghen ngào không tả xiết. Lòng thương xót cảm động đến cả người xung quanh. Vua liền sai hữu tư đến đó đo lấy vài chục dặm cạnh lăng để làm nơi đất cấm của Sơn Lăng, các triều vua sau đưa về táng ở xứ ấy, đều gọi là Thọ Lăng) (2, tr.193). Như vậy, sự hình thành của Thọ Lăng - khu “sơn lăng cấm địa” nhà Lý sau này được bắt đầu từ sau khi thành lập Vương triều và lấy lăng Thái Hậu làm vị trí trung tâm để định vị. Lăng Thái Hậu nằm ở khu Rừng Miếu làng Dương Lôi, cho đến nay không hề có sự thay đổi nào. Điều này cho thấy khu sơn lăng rộng đến “vài chục dặm” mà *Đại Việt sử ký tiền biên* mô tả có lẽ chạy dài một dải từ cánh đồng (xưa là khu Rừng Miếu) làng Dương Lôi qua làng Đại Đình và kéo dài tới khu rừng Báng giáp ranh với làng Nàng. Điều đó khẳng định khu sơn lăng không thuộc về đất riêng của một làng nào, càng không thể chỉ thuộc về làng Đình Bảng như một số người từng quan niệm.

Theo địa bạ Gia Long (1805) thì diện tích đất thần từ phật tự của xã Đình Bảng chỉ có 1 mẫu 6 sào 10 thước. Và với diện tích khiêm tốn đó, đất rừng Báng - khu Thọ Lăng nhà Lý và Đền Đô không thể thuộc đất thờ tự, thuộc sự quản lý riêng của xã Đình Bảng. Hơn nữa, tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I có lưu một số công văn trao đổi về việc Đình Bảng xin cấp đất và văn bản phủ Thống sứ cấp đất cho Đình Bảng. Trong văn bản ngày 01/08/1943 có nói về việc chức dịch xã Đình Bảng xin phép Phủ Thống sứ Bắc Kỳ cho phép 632 mẫu đất thuộc khu rừng sơn lăng, mộ của các vua nhà Lý nằm trên địa phận xã Đình Bảng trở thành đất bản xã³. Rõ ràng, tư liệu này cho thấy khu Thọ Lăng không thuộc đất sở hữu riêng của xã Đình Bảng mà là đất thờ phụng chung của cả vùng, nó chỉ nằm trên địa bàn xã Đình Bảng khi đó mà thôi. Đến khi nhà Lý suy vong và triều đại thay đổi, khu sơn lăng rộng lớn và cả Đền Đô không còn do nhà nước trực tiếp quản lý nữa, mà từng bước bị dân gian hóa và dần dần đã trở thành tài sản chung của làng xã. Tuy nhiên, cần phải trả lại cho Đền Đô và khu Sơn Lăng đúng vị trí là một di tích, một cơ sở thờ phụng mang tầm Quốc gia.

Trong khi đó, Dương Lôi là một làng gần đó vẫn còn rất nhiều dấu tích để minh chứng về nguồn gốc của Lý Công Uẩn. Bà Phạm Thị đã sinh ra Lý Công Uẩn tại làng Dương Lôi. Dân gian trong vùng từ xưa đến nay vẫn truyền tụng phổ biến câu “Nở Đường Sau, đau chùa Dận” với lời giải thích là bà Phạm Thị đi đến chùa Dận thì bắt đầu đau đẻ và về đến xóm Đường Sau làng Dương Lôi thì sinh ra Lý Công Uẩn. Tại làng Dương Lôi hiện nay vẫn còn địa danh xóm Đường Sau; một số di tích như: chùa Cha Lư, đền Thánh mẫu nhà Lý, đình Dương Lôi,... và truyền thuyết có liên quan đến quá trình sinh nở của bà Phạm Thị.

Đình Dương Lôi/Đình Sấm được xây dựng trên đất của xóm Đường Sau, tấm đại tự ở cổng có dòng chữ 光天之下 (*Quang thiên chi hạ*) có nghĩa là vùng sáng ở dưới trời. Các cột trụ ở cửa cổng đều ghi các cặp câu đối có nội

dung ca ngợi làng, ca ngợi công lao của các vị vua nhà Lý. Ở tòa đại đình còn lưu lại hai câu đối chỉ rõ Dương Lôi chính là đất phát nghiệp đế vương:

Câu đối 1:

一陽雷動自城南國帝王基
十八子成漢狀北江功德始

Phiên âm:

Nhất Dương Lôi động tự thành nam quốc đế vương cơ

Thập bát tử thành mạc trạng Bắc Giang công đức thù

Câu đối 2:

南帝定天書古法靈鍾生木子
東岸來地脈陽雷跡發繼禾刀

Phiên âm:

Nam đế định thiên thư Cổ Pháp linh chung sinh mộc tử

Đông Ngàn lai địa mạch Dương Lôi tích phát kế hòa đao

Câu đối này khẳng định rằng đất Cổ Pháp đã có người phụ nữ sinh ra vị anh hùng tuấn kiệt của dân tộc và Dương Lôi chính là mảnh đất đã sinh ra Lý Công Uẩn - vị vua có "tâm nhìn thiên niên kỷ"⁴ đã quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Như vậy, những câu đối ở đình Dương Lôi đã chứng tỏ rằng Dương Lôi chính là mảnh đất phát tích vương triều Lý. Chắc chắn không phải tự nhiên trong quá trình xây đình (có lẽ từ thời Lê) người ta lại cho dựng những câu đối như vậy. Cùng với câu đối thì những sắc phong vào thời Nguyễn hiện đang giữ ở đình Dương Lôi cũng là những chứng cứ xác thực khẳng định vị trí vai trò của Dương Lôi đối với sự hình thành vương triều Lý. Đình làng Dương Lôi có 9 đạo sắc phong, đạo sắc phong sớm nhất là năm 1810 và muộn nhất là năm 1924. Trong đó đều ghi rõ "Dương Lôi xã, tông tiền phụng sự Lý triều bát vị".

Phía sau đình là chùa Cha Lư, chùa được xây dựng vào khoảng trước năm 1624. Theo

"Cha Lư tự bi" dựng ngày 7/4 năm Vĩnh Tộ 1624 người soạn bia là nho sinh khoa Đình Mùi Nguyễn Đình Chính cho biết việc khởi tạo tam quan chùa và tường của chùa được tiến hành trong một năm. Còn chuông đúc năm 1828 được khoảng 300 người ở các xã Đại Sơn, Đình Bảng, Khắc Niệm, Mai Lâm, Phù Lưu công đúc. Văn chuông ghi rằng: Cứ đến ngày 7 tháng 1 giỗ bà Phạm Thị đánh chuông vang vọng khắp nơi, chùa Cha Lư và Càn Nguyên cũng từ đó đi vào những bài thơ ca ngợi làng:

"Sông Tương nước biếc

Non Hằng trăng trong

Cha Lư cột phượng chạm rồng

Càn Nguyên chuông Phật nở sen..."

Hiện nay, ở Dương Lôi vẫn lưu giữ các bài văn tế trong dịp hội đình, ghi rõ các vị thánh được thờ ở đình Dương Lôi là 8 vua Lý và Thái hậu nhà Lý. Làng Dương Lôi được chia ra thành 8 giáp và mỗi giáp thờ một vị vua Lý: Giáp Đông Thượng thờ Lý Thái Tổ, giáp Tây Nhất thờ Lý Thái Tông, giáp Đông Nhất thờ Lý Thánh Tông, giáp Đông Trung thờ Lý Nhân Tông, giáp Đông Hạ thờ Lý Thần Tông, giáp Tây Thượng thờ Lý Anh Tông, giáp Tây Trung thờ Lý Cao Tông và giáp Tây Hạ thờ Lý Huệ Tông. Sự phân công này đã trở thành tục lệ cổ truyền, thành niềm tự hào và truyền thống từ bao đời của dân làng Dương Lôi. Trong khi đó, Thành hoàng cũng như các ngày lễ hội của làng Đình Bảng không có sự liên quan nào đến vương triều Lý.

Qua các nguồn sử liệu và hệ thống tư liệu còn lại tại địa phương cho thấy, Dương Lôi rõ ràng là nơi quê cha đất tổ của nhà Lý chứ không phải Đình Bảng như nhiều người nhầm tưởng. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này chúng tôi không đi sâu phân tích hay xác định quê cha, quê mẹ của Lý Công Uẩn mà chỉ muốn mang đến một cách nhìn khách quan, đúng đắn về quê hương nhà Lý, đồng thời trả lại cho Dương Lôi vị trí quan trọng vốn có của ngôi làng này. Đồng thời, cũng nhấn mạnh vị trí của sông Tiêu Tương trong việc xác định không gian lịch sử văn hoá vùng quê hương nhà Lý.

Kết luận

Có hay không một không gian lịch sử văn hoá vùng quê hương nhà Lý, là một câu hỏi được khá nhiều người đặt ra. Nhiều người cho rằng chưa chắc đã tồn tại một không gian lịch sử văn hoá nhà Lý ở nơi đây nhưng qua những dấu ấn còn lại cho đến ngày nay chúng tôi có thể khẳng định ở thị xã Từ Sơn ngày nay cũng như trước đây luôn tồn tại một không gian lịch sử văn hoá gắn với vương triều Lý. Dù trải qua bao biến thiên, sự hưng vong của các triều đại phong kiến, chiến tranh tàn phá song những lễ nghi với tiên tổ nhà Lý vẫn được người dân bảo tồn nguyên vẹn, duy trì cho tới ngày nay; bao di tích bị hư hỏng, hoang phế, mai một theo thời gian cũng được trùng tu cho xứng tầm với vị thế của một vương triều lớn. Có thể thấy, thái độ của người dân đối với vương triều Lý đã được di truyền từ đời này sang đời khác để cùng nhau phụng thờ chăm lo phần hương hoả theo đúng di nguyện của cha ông. Và về đây, người ta có thể cảm nhận thấy rõ một không gian văn hoá lịch sử đậm đặc dấu ấn của vương triều lầy lừng trong lịch sử này.

N.T.H

(Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển,
Đại học Quốc gia HN)

Chú thích

¹ Bài thơ từ dấu sét đánh trên cây gạo làng Dương Lôi tiên đoán về sự xuất hiện của nhà Lý: *Thụ căn diểu diểu, mộc biểu thanh thanh, hoà đao mộc lạc, thập bát tử thành, đông a nhập địa, mộc dị tái sinh, chấn cung kiến nhật, đoàn cung ẩn tinh, lục thất niên gian, thiên hạ thái bình*, trong *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), tập 1, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch theo bản khắc năm Chính Hoà thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 237.

² *Cổ Pháp điện tạo bi* (bài văn ghi việc dựng bia điện Cổ Pháp) đặt ở bên trái chính điện Đền Đò. Thác bản văn bia tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm ký hiệu N020221-22. Bản dịch trong *Thơ văn Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan* (2007), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 374-379.

³ Phòng Tư liệu thời Pháp thuộc, Kho tư liệu số, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu: M9.66269.

⁴ Chữ dùng của GS. Nguyễn Quang Ngọc.

Tài liệu tham khảo

1. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), tập 1, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch theo bản khắc năm Chính Hoà thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. *Đại Việt sử ký tiền biên* (1997), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, (1971), Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. *Thiền uyển tập anh*, Ngô Đức Thọ dịch và chú giải, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

5. *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra)* (1981), Dương Thị The, Phạm Thị Hoa (dịch và biên soạn), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. *Thơ văn Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan*, (2007), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Cao Hùng Trưng, *An Nam chí nguyên*, quyển 1, Phố phường ngoại thành hương trấn, (1961), Hoa Bằng dịch, Viện Sử học Việt Nam, Hà Nội.

8. *Việt sử lược* (2005), Bản dịch của Trần Quốc Vượng, Nxb. Thuận Hoá, Huế.

9. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam - cái nhìn địa văn hoá*, Nxb. Văn hoá dân tộc và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, Hà Nội.

10. Trần Quốc Vượng, Trần Đình Luyện, Nguyễn Ngọc Bích (1981), *Một Hà Bắc cổ trong lòng đất*, Nxb. Ty Văn hóa và thông tin Hà Bắc.

Ngày nhận bài: 5 - 4 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 17 - 6 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 6 - 2017